TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2018
V/v tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXX- ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Hồng N**, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nơi ở hiện nay: Số nhà xx, ngõ x, đường T, tổ xx, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Thế D**, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Địa chỉ liên hệ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

(Chị N có mặt, anh D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2018, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Hồng N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Thế D tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 05/02/2013 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Cuộc sống gia đình hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai có nhiều bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt gia đình, anh D kinh doanh, làm ăn thua lỗ, không quan tâm đến cuộc sống của vợ con. Chị đã cho anh D nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh D không thay đổi nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6/2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống hạnh phúc được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Ngọc A, sinh ngày 28/11/2013 hiện nay đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm điều dưỡng tại khoa ngoại, bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/01 tháng. Sau khi ly hôn, chị có nhà của bố mẹ chị để mẹ con chị ở, để cho con có điều kiện học hành tốt hơn. Bản thân chị hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi dạy và chăm sóc con.

Về tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*/ Tại Văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt đề ngày 13/10/2018 anh Bùi Thế D trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như chị N trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp. Nay chị N kiên quyết xin ly hôn, anh cũng xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên anh cũng nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị N. Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Bùi Ngọc A, sinh ngày 28/11/2013 hiện nay đang ở với chị N. Khi ly hôn, anh chị đã thỏa thuận và viết giấy cam kết chị N được nuôi con và phải thực hiện cam kết giữa hai bên. Nếu chị N không thực hiện đúng theo cam kết thì anh D có quyền nuôi con và đón con đi bất cứ lúc nào. Về tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*/Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không có mặt để làm việc trực tiếp tại Tòa án nhưng đã có văn bản thể hiện quan điểm về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung và quan hệ tài sản. Tại phiên tòa, bị đơn là anh Bùi Thế D vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho chị N và anh D được ly hôn. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Hồng N có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Thế D và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên xác định đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; Chị N và anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, anh D hiện đang tạm trú tại thị xã T, tỉnh Bình Dương nhưng có đơn đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giải quyết việc ly hôn, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Bùi Thế D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Hồng N và anh Bùi Thế D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình không hợp, bất đồng trong nhiều vấn đề trong cuộc sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vì thế mà rạn nứt. Vợ chồng đã ly thân nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 6/2018 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh D có thật, đã trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ cùng nhau được nữa nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Lê Hồng N và anh Bùi Thế D được ly hôn.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Lê Hồng N và anh Bùi Thế D có 01 con chung là Bùi Ngọc A, sinh ngày 28/11/2013 hiện đang ở với chị N. Ly hôn, chị N và anh D thỏa thuận thống nhất giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị N có công việc, thu nhập ổn định, có điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung nên giao con cho chị N nuôi là phù hợp. Chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Hồng N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Hồng N được ly hôn anh Bùi Thế D.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Bùi Ngọc A, sinh ngày 28/11/2013 cho chị Lê Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Thế D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị N, anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Lê Hồng N và anh Bùi Thế D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003041 ngày 06/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Lê Hồng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 08/11/2018.

Anh Bùi Thế D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương